

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 128/2022/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 04 tháng 5 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 04 tháng 5 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Vụ Pháp chế UBNDT;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài Chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh (Chủ tịch, các PCT);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- LĐ + CV các phòng CM thuộc VP;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025, trên địa bàn tỉnh Hòa Bình
(Kèm theo Nghị quyết số 128/2022/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (sau đây gọi tắt là Chương trình) là căn cứ để lập, phân bổ kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình cho các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập, thẩm định và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư, vốn sự nghiệp và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; huyện chỉ đạo điểm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn, bản khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn; ưu tiên cho các xã, thôn xóm đăng ký thoát khỏi diện đặc biệt khó khăn trong giai đoạn 2021-2025; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; phân bổ vốn đầu tư

Chương trình tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

4. Ưu tiên bố trí ngân sách để đầu tư các công trình giao thông cho các xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; đầu tư công trình giao thông kết nối (hệ thống cầu, đường giao thông), công trình điện lưới quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao, xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn; đầu tư trường dân tộc nội trú cho huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, có nhiều xã đặc biệt khó khăn.

5. Đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo sự chủ động, linh hoạt cho các huyện, thành phố, các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương, từng vùng theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện.

6. Phân bổ vốn kế hoạch hằng năm cho các cơ quan, đơn vị, huyện, thành phố thực hiện Chương trình theo kết quả giải ngân của năm trước năm kế hoạch; ưu tiên phân bổ cho các địa phương, các dự án, tiểu dự án, nội dung của Chương trình bảo đảm tiến độ giải ngân.

7. Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương trung hạn và hằng năm

1. Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương trung hạn và hằng năm để thực hiện Chương trình phân bổ cho các Sở, ban, ngành và địa phương theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn về nội dung này.

2. Các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố tham gia thực hiện Chương trình căn cứ kế hoạch vốn ngân sách trung ương được giao xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể gửi cơ quan Thường trực Chương trình để tổng hợp xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương theo quy định.

3. Nguồn vốn phân bổ hằng năm của Chương trình phải phù hợp với kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền thông qua và khả năng cân đối ngân sách hằng năm; ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành các chương trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước sang năm sau; ưu tiên các huyện, thành phố giải ngân nhanh để tạo điều kiện sớm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Điều 4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương

Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách trung ương (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho các Sở, ban, ngành và Ủy

ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện Chương trình được quy định chi tiết theo 10 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

Tổng số vốn phân bổ cho địa phương thứ k (T_k) được tổng hợp từ vốn phân bổ của các dự án, tiểu dự án thành phần thứ i ($V_{k,i}$) của địa phương đó:

$$T_k = \sum_{i=1}^n V_{k,i}$$

Trong đó:

- i là dự án, tiểu dự án thứ i

$$\left(\begin{array}{c} \square \square \square \square \square \square \square \square \\ i = 1..n \end{array} \right)$$

- k là huyện thứ k

$$\left(\begin{array}{c} \square \square \square \square \square \square \square \square \\ k = 1..10 \end{array} \right)$$

Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của địa phương (k) theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần (i):

$$V_{k,i} = Q_i \cdot X_{k,i}$$

Trong đó:

- $V_{k,i}$: Vốn phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i cho địa phương thứ k.
- $X_{k,i}$: Số điểm dự án, tiểu dự án thứ i của địa phương thứ k.
- Q_i : Vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i

$$Q_i = \frac{G_i}{\sum_{k=1}^n X_{k,i}}$$

G_i : Vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho dự án, tiểu dự án thứ i.

Điều 5. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

1. Đối với nguồn vốn Trung ương của Chương trình giao cho các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh tổ chức thực hiện

Ngân sách tỉnh cân đối đảm bảo bố trí vốn đối ứng không dưới 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình đối với các nội dung do các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh tổ chức thực hiện.

2. Đối với nguồn vốn giao cho các huyện, thành phố tổ chức thực hiện

Các huyện, thành phố được nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương: Hằng năm, ngân sách cấp huyện bố trí đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách trung ương trong năm hỗ trợ thực hiện Chương trình cho huyện, thành phố.

Các huyện, thành phố phải bố trí đủ vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Đối với các huyện, thành phố không bố trí đủ vốn đối ứng trong năm kế hoạch theo quy định, khi phân bổ kế hoạch năm sau, sẽ bị trừ tương ứng với số vốn đối ứng còn thiếu của huyện, thành phố.

Phụ lục I
PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 1
GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở,
NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT
(Kèm theo Nghị quyết số 128 /2022/NQ-HĐND ngày 04/5/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

1. Phân bổ vốn đầu tư

Phân bổ cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở.	0,4	a	0,4 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở.	0,4	b	0,4 x b
3	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất.	0,225	c	0,225 x c
4	Cứ 1 công trình nước sinh hoạt tập trung.	30	d	30 x d
	Tổng cộng			X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d) trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, thành phố, sắp xếp thứ tự ưu tiên đối tượng, địa bàn để phân bổ vốn trực tiếp từ Chương trình hỗ trợ thực hiện các nội dung đảm bảo trên tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ và vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề.	0,1	a	0,1 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán.	0,03	b	0,03 x b
	Tổng cộng			X_{k,i}

Số lượng (a, b) trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, thành phố, sắp xếp thứ tự ưu tiên để phân bổ vốn trực tiếp từ Chương trình hỗ trợ thực hiện các nội dung đảm bảo trên tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ và vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

Phụ lục II
PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 2
QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH
DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT

*(Kèm theo Nghị quyết số 128/2022/NQ-HĐND ngày 04/5/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

1. Phân bổ vốn đầu tư

Phân bổ cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng được tính 10 điểm.	10
2	Dự án có quy mô trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được tính thêm.	01
	Tổng cộng điểm	X_{k,i}

Trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, thành phố, sắp xếp thứ tự ưu tiên địa bàn để phân bổ vốn trực tiếp từ Chương trình hỗ trợ thực hiện các nội dung đảm bảo trên tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ và vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được tính 0,1 điểm; phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm.	0,1
	Tổng cộng điểm	X_{k,i}

Trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, thành phố, sắp xếp thứ tự ưu tiên đối tượng, địa bàn để phân bổ vốn trực tiếp từ Chương trình hỗ trợ thực hiện các nội dung đảm bảo trên tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ và vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

Phụ lục III
PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 3
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG,
PHÁT HUY TIỀM NĂNG, THỂ MẠNH CỦA CÁC VÙNG MIỀN
ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ
(Kèm theo Nghị quyết số 128 /2022/NQ-HĐND ngày 04/5/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

1. Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

Phân bổ cho các huyện, thành phố vốn sự nghiệp: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.	0,004	a	0,004 x a
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.	0,004	b	0,004 x b
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.	0,016	c	0,016 x c
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ.	0,1	d	0,1 x d
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ.	0,3	đ	0,3 x đ
6	Mỗi tán gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ.	0,12	e	0,12 x e
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d, đ, e), trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, thành phố và số liệu tổng hợp của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, sắp xếp thứ tự ưu tiên đối tượng, địa bàn để phân bổ vốn trực tiếp từ Chương trình hỗ trợ thực hiện các nội dung đảm bảo trên tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ và vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư:

Phân bổ cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi huyện thực hiện dự án trồng dược liệu quý	290	a	290 x a
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Số lượng (a) trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, thành phố, sắp xếp thứ tự ưu tiên địa bàn và đảm bảo điều kiện theo quy định, hướng dẫn của Trung ương để phân bổ vốn trực tiếp từ Chương trình hỗ trợ thực hiện các nội dung đảm bảo trên tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ và vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho các Sở, ban, ngành tỉnh: Không quá 30% tổng số vốn của tiểu dự án để xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phân bổ cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

* Phân bổ vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: Không quá 10% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án.

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi huyện thực hiện dự án trồng dược liệu quý	310	a	310 x a
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Số lượng (a) trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, thành phố, sắp xếp thứ tự ưu tiên địa bàn và đảm bảo điều kiện theo quy định, hướng dẫn của Trung ương để phân bổ vốn trực tiếp từ Chương trình hỗ trợ thực hiện các nội dung đảm bảo trên tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ và vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

* Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư.

+ Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)	5	b	5 x b
Tổng cộng điểm				$A_{k,i}$

+ Nhóm tiêu chí ưu tiên đối với xã ĐBKK hơn:

. Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã ATK:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK	2	a	2 x a
Tổng cộng điểm				$B_{k,i}$

. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	a	0,15 x a
Tổng cộng điểm				$C_{k,i}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 861/QĐ-TTg) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 612/QĐ-UBND) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của địa phương thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i} + C_{k,i}$

Phụ lục IV

**PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 4
ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT,
ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
VÀ MIỀN NÚI VÀ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG
CỦA LĨNH VỰC DÂN TỘC**

*(Kèm theo Nghị quyết số 128/2022/NQ-HĐND ngày 04/5/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư:

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	100	a	100 x a
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I (<i>xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135</i>)	90	b	90 x b
3	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (<i>Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III</i>)	15	c	15 x c
4	Cứ 1 km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	16	d	16 x d
5	Cứ xây mới 1 trạm y tế xã	40	e	40 x e
6	Cứ cải tạo sửa chữa 1 trạm y tế xã	8	f	8 x f
7	Cứ xây mới 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	44	g	44 x g
8	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8	h	8 x h
9	Mỗi công trình cầu giao thông kết nối các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn	500	i	500 x i
10	Mỗi công trình hạ tầng lýới điện cho các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn	1.000	k	1.000 x k
	Tổng cộng điểm			$A_{k,i}$

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

. Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã ATK:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK	10	a	10 x a
	Tổng cộng điểm			$B_{k,i}$

Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	a	0,3 x a
	Tổng cộng điểm			$C_{k,i}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Số liệu chợ; trạm y tế; số km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa: trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, thành phố, sắp xếp thứ tự ưu tiên địa bàn để phân bổ vốn trực tiếp từ Chương trình hỗ trợ thực hiện các nội dung đảm bảo trên tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ và vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của địa phương thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i} + C_{k,i}$

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

+ Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	9	a	9 x a
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I (<i>xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135</i>)	8	b	8 x b

3	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,8	c	1,8 x c
4	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây mới và cải tạo	2,5	d	2,5 x d
Tổng cộng điểm				$A_{k,i}$

+ Nhóm tiêu chí ưu tiên:

Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã ATK:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK	1	a	1 x a
Tổng cộng điểm				$B_{k,i}$

. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	a	0,03 x a
Tổng cộng điểm				$C_{k,i}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Hỗ trợ trang thiết bị cho trạm y tế xây mới và cải tạo: trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, thành phố, sắp xếp thứ tự ưu tiên địa bàn để phân bổ vốn trực tiếp từ Chương trình hỗ trợ thực hiện các nội dung đảm bảo trên tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ và vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của địa phương thứ i được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i} + C_{k,i}$

Phụ lục V
PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 5
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC
(Kèm theo Nghị quyết số 128 /2022/NQ-HĐND ngày 04/5/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

a) Phân bổ vốn đầu tư: Phân bổ 100% vốn đầu tư cho cơ quan chủ trì thực hiện Dự án và các sở, ban, ngành tỉnh theo phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi phòng công vụ giáo viên bổ sung, nâng cấp	1,446	a	1,446 x a
2	Mỗi phòng ở cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	b	1,446 x b
3	Mỗi phòng quản lý cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	c	1,446 x c
4	Mỗi nhà ăn + nhà bếp bổ sung, nâng cấp	5,784	d	5,784 x d
5	Mỗi nhà kho chứa lương thực bổ sung, nâng cấp	4,5	đ	4,5 x đ
6	Mỗi công trình vệ sinh, nước sạch bổ sung, nâng cấp	4,5	e	4,5 x e
7	Mỗi nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc bổ sung, nâng cấp	4,5	g	4,5 x g
8	Mỗi phòng học thông thường và phòng học bộ môn bổ sung, nâng cấp	3,759	h	3,759 x h
9	Mỗi công trình phụ trợ khác (sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...) bổ sung, nâng cấp	2	k	2 x k
10	Mỗi trường dân tộc nội trú cho huyện có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa có hoặc phải đi thuê địa điểm để hoạt động	450	l	450 x l
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d, đ, e, g, h, k, l): trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, thành phố, sắp xếp thứ tự ưu tiên địa bàn để phân bổ vốn trực tiếp từ Chương trình hỗ trợ thực hiện các nội dung đảm bảo trên tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ và vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho cơ quan chủ trì thực hiện Dự án và các sở, ban, ngành tỉnh: Không quá 10% vốn sự nghiệp tiêu dự án.

- Phân bổ vốn cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi người học xoá mù chữ	0,5	a	0,5 x a
2	Mỗi lớp học xoá mù chữ	10	b	10 x b
3	Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm phát cho người học	0,05	c	0,05 x c
4	Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị	500	d	500 x d
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d): trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, thành phố, sắp xếp thứ tự ưu tiên địa bàn để phân bổ vốn trực tiếp từ Chương trình hỗ trợ thực hiện các nội dung đảm bảo trên tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ và vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không

b) Phân bổ vốn sự nghiệp nội dung: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

- Phân bổ 100% vốn cho các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh để bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

- Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,204	a	0,204 x a
	Tổng cộng			X_{k,i}

Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)

3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho các Sở, Ban, ngành, các Trung tâm, Trường cấp tỉnh đủ điều kiện: Không quá 40% tổng vốn tiêu dự án.

- Phân bổ cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu

chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 x a
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Số lượng học viên được đào tạo nghề (a) được sử dụng làm căn cứ phân bổ vốn cho các địa phương. Trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, thành phố, sắp xếp thứ tự ưu tiên địa bàn để phân bổ vốn trực tiếp từ Chương trình hỗ trợ thực hiện các nội dung đảm bảo trên tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ và vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

a) Phân bổ vốn vốn đầu tư: Không

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho cơ quan thường trực Chương trình: Không quá 50% tổng vốn của tiểu dự án.

- Phân bổ cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I (<i>xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu CT135</i>)	15	a	15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (<i>Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III</i>)	1,2	b	1,2 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Phụ lục VI
PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 6
BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA
CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH
(Kèm theo Nghị quyết số 128 /2022/NQ-HĐND ngày 04/5/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

1. Phân bổ vốn đầu tư

- a) Phân bổ cho các Sở, ban, ngành tỉnh: Không quá 10% vốn đầu tư dự án.
- b) Phân bổ vốn cho các huyện, thành phố: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu.	7	a	7 x a
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một làng, bản truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.	60	b	60 x b
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	2	c	2 x c
4	Hỗ trợ xây dựng mỗi một mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.	60	d	60 x d
5	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.	60	e	60 x e
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d, e): trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, thành phố, sắp xếp thứ tự ưu tiên để phân bổ vốn trực tiếp từ Chương trình hỗ trợ thực hiện các nội dung đảm bảo trên tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ và vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

- a) Phân bổ cho các Sở, ban, ngành tỉnh: Không quá 30% tổng vốn sự nghiệp của dự án.
- b) Phân bổ vốn cho các huyện, thành phố: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hoá truyền thống cho mỗi dân tộc có khó khăn đặc thù	50	a	50 x a
2	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho mỗi huyện, thành phố vùng đồng bào DTTS và miền núi	10	b	5 x b
3	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hoá phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hoá truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hoá truyền thống văn hoá các dân tộc thiểu số...)	3,5	c	3,5 x c
4	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	d	0,6 x d
5	Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hoá dân gian...)	2	e	2 x e
6	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đối văn nghệ truyền thống	0,5	g	0,5 x g
7	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hoá truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số	20	h	20 x h
8	Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	10	i	10 x i
9	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	3	k	3 x k
10	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,3	l	0,3 x l
11	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hoá tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,3	m	0,3 x m
12	Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các	5	n	5 x n

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
	dân tộc thiểu số			
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d, e...): trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, thành phố, sắp xếp thứ tự ưu tiên địa bàn để phân bổ vốn trực tiếp từ Chương trình hỗ trợ thực hiện các nội dung đảm bảo trên tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ và vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

Phụ lục VII

**PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 7
CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO
THỂ TRẠNG, TÂM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ;
PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM**

*(Kèm theo Nghị quyết số 128/2022/NQ-HĐND ngày 04/5/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

1. Phân bổ vốn đầu tư

Phân bổ cho cơ quan chủ trì thực hiện Dự án: Phân bổ 100% vốn đầu tư của dự án cho ngành Y tế.

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi trung tâm y tế huyện được đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo	300	a	300 x a
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Số lượng (a): trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, thành phố, sắp xếp thứ tự ưu tiên để phân bổ vốn trực tiếp từ Chương trình hỗ trợ thực hiện các nội dung đảm bảo trên tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ và vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ cho Cơ quan chủ trì thực hiện dự án để triển khai thực hiện theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	50	a	50 x a
2	Mỗi xã khu vực II	30	b	30 x b
3	Mỗi xã khu vực I	15	c	15 x c
	Tổng cộng			X_{k,i}

Xã khu vực I, II, III được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Phụ lục VIII
PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 8
THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP
THIỆT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM
(Kèm theo Nghị quyết số 128 /2022/NQ-HĐND ngày 04/5/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh: Không quá 20% tổng vốn sự nghiệp của dự án.

b) Phân bổ vốn cho các huyện, thành phố: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I (<i>xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135</i>)	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (<i>Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III</i>)	2	b	2 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Phụ lục IX**PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 9
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ
CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN VÀ KHÓ KHĂN ĐẶC THÙ***(Kèm theo Nghị quyết số 128 /2022/NQ-HĐND ngày 04/5/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)***Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho Cơ quan thường trực Chương trình và các Sở, ban, ngành tỉnh: Không quá 50% vốn sự nghiệp tiểu dự án.

- Phân bổ vốn cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	đ	2 x đ
	Tổng số			X_{k,i}

Tỷ lệ tảo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết (a) của huyện/thành phố căn cứ số liệu điều tra thống kê thực trạng thực tế.

Xã khu vực I, II, III (b, c, d) của huyện, thành phố được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Số mô hình thực hiện (đ) là 20% của tổng số xã khu vực III, II của huyện, thành phố được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Phụ lục X

**PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 10
TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI. KIỂM TRA, GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ VIỆC
TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 128/2022/NQ-HĐND 04/5/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

1. Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho cơ quan thường trực Chương trình và các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh: Không quá 85% tổng vốn sự nghiệp của tiêu dự án.

- Phân bổ cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 x a
	Tổng cộng			X_{k,i}

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số của huyện, thành phố được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ cho Sở, Ban, ngành tỉnh: Không quá 80% tổng vốn đầu tư của tiêu dự án.

- Phân bổ cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b

	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$
--	-----------------------	--	--	-----------

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho Sở, Ban, ngành tỉnh: Không quá 80% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án.

- Phân bổ cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho Cơ quan thường trực Chương trình và Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh: Không quá 85% tổng vốn sự nghiệp tiểu dự án

- Phân bổ cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
	Tổng cộng			$X_{k,i}$

Xã khu vực I, II, III (a, b, c) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).